

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

Ninh Kiều, ngày 05 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 566/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông Phạm Trọng N, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: 83/5A đường Quang Trung, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

HKTT: 119/16A đường Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm: 1996;

HKTT: 119/16A đường Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: 83/5A đường Quang Trung, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ áp dụng:

- Điều 212, Điều 213; Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Trọng N và bà Lê Thị Bích T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trọng N và bà Lê Thị Bích T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung và tài sản chung giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Mỗi người phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định; Ông Phạm Trọng N có ý kiến tự nguyện nộp toàn bộ án phí. Nên ông N phải chịu số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại theo biên lai thu số 003159, ngày 15/10/2020 sau khi khấu trừ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- UBND Phường;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lê Thiên Bảo